

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-PT

Ngày: 12-11-2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Thư.

Các Thẩm phán:

Ông Lý Thành Lê;

Ông Huỳnh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trường Thọ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12-11-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2018/TLPT-DS ngày 04-9-2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST, ngày 24-7-2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐH bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1177/2018/QĐ-PT, ngày 23-10-2018, giữa các bên đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

- Ông Đinh Ngọc G, sinh năm 1947 (có mặt);

- Anh Đinh Ngọc M, sinh năm 1982.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đinh Ngọc M: Ông Đinh Ngọc G (có mặt).

Cùng trú tại: Số 645B H V, tổ dân phố 4B, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh Kon Tum.

2. Đồng bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954 (có mặt);
- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955 (có mặt).

Cùng trú tại: Thôn 10, xã Đăk Hring, huyện ĐH, tỉnh Kon Tum.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 (có mặt).

Trú tại: Thôn 10, xã Đăk Hring, huyện ĐH, tỉnh Kon Tum.

4. Người kháng cáo: Bị đơn – ông Nguyễn Văn Đ.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Đồng nguyên đơn - ông Đinh Ngọc G và anh Đinh Ngọc M trình bày:* Ngày 08-01-2013 giữa ông G, anh M với ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L có lập hợp đồng vay tiền, nội dung: Vợ chồng ông Đ vay của ông G và anh M 350.000.000 đồng và thế chấp một thửa đất, đang làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời hạn trả vào ngày 08-02-2013. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 1.500 đồng/01 ngày/01 triệu đồng.

Sau khi lập hợp đồng, do không đủ tiền nên ông G đưa trước cho ông Đ, bà L 300.000.000 đồng và hẹn khi nào có sẽ đưa tiếp 50.000.000 đồng còn lại. Chiều cùng ngày ông Đ đến nhà ông G nhận thêm 25.000.000 đồng, có viết giấy biên nhận. Đến ngày 18-01-2013 do ông Đ bận công việc nên viết một lá thư nhờ chị Nguyễn Thị H xuống nhà ông G lấy 25.000.000 đồng còn lại.

Khi đến hạn trả nợ, ông G đã nhiều lần yêu cầu trả số tiền đã vay, nhưng ông Đ, bà L không trả. Vì vậy, ông G và anh M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ, bà L phải trả số tiền gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 18-01-2013 cho đến khi giải quyết xong vụ án, với lãi suất theo quy định của pháp luật.

- *Đồng bị đơn - ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L:* Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông G và anh M, lý do: Mặc dù có ký hợp đồng vay tiền ngày 08-01-2013 nhưng vợ chồng bị đơn chưa nhận tiền vay từ nguyên đơn.

Bên cạnh đó, sau khi ký hợp đồng, chiều ngày 08-01-2013 ông G đến nhà ông Đ chơi. Tại đây ông Đ có vay ông G số tiền 25.000.000 đồng cho con gái

của ông Đ là chị Nguyễn Thị H và viết giấy biên nhận. Sau đó, vào ngày 18-01-2013 ông Đ viết thư nhờ chị H xuống nhà ông G lấy số tiền còn lại là 25.000.000 đồng. Số tiền 50.000.000 đồng của hai lần vay này là khoản vay mà ông Đ vay giúp cho chị H, không liên quan đến khoản tiền 350.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Thị H trình bày:* Đối với số tiền 50.000.000 đồng mà chị nhờ ông Đ vay giúp từ ông G, là đúng như lời khai của ông Đ. Tuy nhiên, sau đó chị H đã trả đầy đủ tiền nợ cho nguyên đơn và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp khi vay tiền.

Riêng đối với số tiền 350.000.000 đồng ông G và anh M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ trả nợ, chị H không biết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện DH: 01 Hợp đồng vay vốn đề ngày 08-01-2013 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L với ông Đinh Ngọc G và anh Đinh Ngọc M; 01 giấy biên nhận tiền đề ngày 08-01-2013; 01 lá thư đề ngày 18-01-2013 của ông Đ gửi cho ông G; 01 Giấy cam kết đề ngày 22-01-2013 thể hiện nội dung ông G cho chị H thuê nhà vòm và đất 02 tháng để bán cà phê, có chữ ký của ông Đ, chị H, ông G.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DH đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc 350.000.000 đồng. Về tiền lãi đã hết thời hiệu khởi kiện nên không xem xét.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 24-7-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 688, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 471, 472; khoản 4 Điều 474; khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Đinh Ngọc G và anh Đinh Ngọc M đối với phần yêu cầu trả nợ gốc là 350.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Đinh Ngọc G và anh Đinh Ngọc M số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông G và anh M với số tiền 173.775.000 đồng.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 4 Điều 18, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

- Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải nộp 17.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Đinh Ngọc G và anh Đinh Ngọc M phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.688.750 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi chậm thi hành án theo Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; tuyên quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Ngày 06-8-2018, bị đơn - ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 08-8-2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà đã kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không xem xét phần yêu cầu thanh toán tiền lãi của nguyên đơn vì đã hết thời hiệu khởi kiện và nguyên đơn không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đinh Ngọc G và anh Đinh Ngọc M không rút đơn khởi kiện; ông Nguyễn Văn Đ giữ nguyên đơn kháng cáo; các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà; đồng thời phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng; việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của các bên đương sự đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, sửa án sơ thẩm theo hướng không

buộc nguyên đơn – ông Đinh Ngọc G và anh Đinh Ngọc M phải chịu án phí đối với phần yêu cầu thanh toán tiền lãi đã hết thời hiệu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm, đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà và quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Đinh Ngọc G và anh Đinh Ngọc M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ - bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền gốc đã vay là 350.000.000đồng và tiền lãi kể từ ngày 18-01-2013 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn - ông Đ và bà L đều cư trú trên địa bàn huyện Đắk Hà. Bởi vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, bản án sơ thẩm đã xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà cũng như nội dung đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L đều cho rằng: Mặc dù ông, bà có ký hợp đồng vay tiền ngày 08-01-2013 với ông G và anh M, nhưng chưa được nhận tiền vay từ phía nguyên đơn vì nếu đã nhận thì hai bên phải lập giấy biên nhận. Riêng đối với khoản tiền 50.000.000đồng theo giấy biên nhận ngày 08-01-2013 và giấy ông Đ viết nhờ chị H đến nhà ông G nhận tiền ngày 18-01-2013, là tiền do chị H nhờ ông Đ vay giùm, không liên quan đến 350.000.000đồng hiện đang tranh chấp. Do đó, việc ông G và anh M khởi kiện yêu cầu ông, bà trả nợ là không có cơ sở.

Trong khi đó, theo lời khai của phía nguyên đơn, ngay sau khi ký hợp đồng sáng ngày 08-01-2013 do chưa đủ tiền nên ông G đưa trước cho ông Đ, bà L 300.000.000đồng. Tiếp đó, vào chiều cùng ngày, ông Đ đến nhà ông G nhận

thêm 25.000.000đồng và viết giấy bên nhận. Đến ngày 18-01-2013, ông Đ viết giấy nhờ chị H đến nhà ông G nhận số tiền còn lại là 25.000.000đồng.

Xét lời khai của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L cho rằng chưa nhận số tiền 350.000.000đồng, là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đã đi xác M tại Công an xã Đăk Hring và Thôn trưởng Thôn 10, xã Đăk Hring, kết quả thể hiện: Từ năm 2014, ông G đã nhiều lần đến đòi tiền vợ chồng ông Đ và xảy ra cãi vã, xô xát dẫn đến Thôn trưởng phải đến can thiệp nhưng không lập biên bản. Tòa án xác M nội dung này vì ông Đ cho rằng, vay từ năm 2013 tại sao không trả nợ mà mãi đến năm 2016 mới khởi kiện đòi tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ cũng thừa nhận trước khi khởi kiện có 01 lần ông G đến nhà ông đòi tiền đối với khoản vay 350.000.000đồng và hai bên đã xảy ra cãi nhau.

- Về đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Vào ngày 08-01-2013 vợ chồng ông Đ có ký hợp đồng vay ông G và anh M số tiền 350.000.000đồng. Thời hạn vay đến ngày 08-02-2013. Trong giấy vay tiền có ghi nội dung ông Đ và bà L thế chấp 01 lô đất rộng 05m x 50m đang làm thủ tục.

Đến ngày 22-01-2013 chị H và ông Đ đã ký giấy cam kết mượn nhà đất của ông G. Mặc dù bản chất của giao dịch này là không đúng sự thật (vì nhà đất là của ông Đ chứ không phải của ông G) nhưng đây là nguồn chứng cứ để chứng M giữa ông G và anh M có cho vợ chồng ông Đ vay số tiền 350.000.000đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 08-01-2013; ông Đ đã nhận đủ toàn bộ số tiền theo hợp đồng vay vốn nên đã thừa nhận nhà đất là của ông G cho chị H mượn (đây là một phần nội dung trong giấy vay tiền ông Đ có thế chấp cho ông G một lô đất). Tại phiên tòa phúc thẩm chị H khai có ký giấy cam kết ngày 22-01-2013 theo yêu cầu của bố chị là ông Đ và thừa nhận nhà đất là của ông Đ; ông Đ thừa nhận chữ ký trong giấy cam kết là của mình nhưng lại cho rằng ông G đã sao lục chữ ký của ông.

- Đối với giấy nhận tiền ngày 08-01-2013 và giấy viết ngày 18-01-2013: ông Đ cho rằng đây là khoản vay của chị H, là không có cơ sở vì nội dung giấy vay thể hiện người vay tiền là ông Đ.

Như vậy, có cơ sở tin vào lời khai của ông G và anh M rằng: Sáng ngày 08-01-2013 ông G mới giao cho vợ chồng ông Đ - bà L 300.000.000đồng; chiều cùng ngày giao tiếp 25.000.000đồng. Đến ngày 18-01-2013 giao nốt số tiền còn lại 25.000.000đồng theo hợp đồng vay tiền 350.000.000đồng - Điều này được

thể hiện rõ trong giấy nhận tiền ngày 18-01-2013 ông Đ có ghi cụ thể “...*lấy số tiền còn lại là 25.000.000đồng...*”. Và sau khi nhận đủ toàn bộ số tiền 350.000.000đồng thì ông Đ, chị H mới viết giấy cam kết xác nhận nhà đất của ông Đ do chị H đang quản lý là nhà đất của ông G cho chị H mượn.

Do đó, cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền gốc 350.000.000đồng là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH:

- Căn cứ vào Điều 2 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Đối với các tranh chấp, yêu cầu về dân sự, Hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động phát sinh trước ngày 01-01-2017 thì áp dụng quy định về thời hiệu tại Điều 159 và điểm h khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều 159 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 thì yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không giải quyết.

Cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện về tiền lãi đã hết nhưng lại giải quyết và không chấp nhận yêu cầu tính lãi, đồng thời buộc đương sự phải chịu án phí là không đúng với Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Do đó, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không giải quyết yêu cầu về tiền lãi và không buộc đương sự phải chịu án phí.

[3] *Án phí dân sự phúc thẩm*: Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà.

Xử: Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 24-7-2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐH.

Căn cứ Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, Điều 472, khoản 4 Điều 474 và khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Đinh Ngọc G và anh Đinh Ngọc M số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Đinh Ngọc G và anh Đinh Ngọc M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L không trả đủ số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: *Căn cứ khoản 3 Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; khoản 4 Điều 18, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;*

- Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải nộp 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Đinh Ngọc G và anh Đinh Ngọc M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu về tiền lãi đã hết thời hiệu khởi kiện.

- Hoàn trả cho ông Đinh Ngọc G và anh Đinh Ngọc M số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm là 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2010/0006390 ngày 08-8-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH.

Về án phí dân sự phúc thẩm: *Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;*

- Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (12-11-2018).

Trường hợp bản án được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND t. Kon Tum;
- TAND h. ĐH;
- CC THADS h. ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Thư

